

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày: 26 - 03 -2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Phi

Bà Đỗ Thị Ngân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST- DS ngày 22/01/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST- DS ngày 05/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST- DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh N, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 91, khu phố T, thị trấn K, huyện C, tỉnh B (nay là xã K, Thành phố H).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã B, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Quốc H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp V, xã B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/03/2021 ông Huỳnh N có cho bà Nguyễn Thị Thái N vay số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tuần, không thỏa thuận lãi suất. Việc vay mượn tiền thì bà N có viết giấy vay tiền đề ngày 23/3/2021. Từ khi bà N vay tiền đến nay bà N đã không thực hiện những gì cam kết theo giấy vay tiền trên. Ông đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại cho bà N nhưng bà N không nghe máy. Ông đến nhà tìm nhưng không gặp bà Nguyễn Thị Thái N.

Việc làm của bà Nguyễn Thị Thái N đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi hợp pháp của ông. Vì vậy, ông N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền đã vay của ông là 350.000.000 đồng. Ông không yêu cầu Tòa án tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/09/2025, 03/10/2025, 19/12/2025 ông có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Yêu cầu ông Võ Quốc H cùng với bà N thanh toán số tiền trên cho ông. Vì thời điểm đó, bà N và ông H vẫn còn là quan hệ vợ chồng. Đến ngày 21/11/2022 ông H và bà N mới ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/02/2026 ông Huỳnh N có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền đã vay là 350.000.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi suất.

2. *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thái N:* Tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Thái N vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình tố tụng, tại bản tự khai ngày 25/04/2025 bà N trình bày: Bà N xác nhận bà có mượn của ông Huỳnh N số tiền theo đơn khởi kiện. Bà đề nghị Tòa án cho bà 02 tháng để bà có thời gian sắp xếp giải quyết gia đình. Nhưng đến nay, bà N vẫn không lên Tòa án làm việc mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

3. *Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc H:* Tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông Võ Quốc H vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình tố tụng, ông Võ Quốc H trình bày: Ông Võ Quốc H và bà Nguyễn Thị Thái N kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố H). Ngày 21/11/2022 ông và bà N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 371/2022/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo nội dung Quyết định thì về tài sản chung, nợ chung: ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, ông và bà N không gặp nhau. Đến nay, ông và bà N đã tự giải quyết: Về tài sản chung: ông và bà N không có tài sản chung, Về nợ chung: Ông và bà N có nợ Ngân hàng và ông chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nên ông và bà N không còn liên quan gì với nhau nữa.

Ông không biết gì về việc bà Nguyễn Thị Thái N vay của ông Huỳnh N số tiền 350.000.000 đồng. Số tiền này được nộp vào tài khoản cá nhân Sacombank

của bà N. Đây là nợ riêng của bà N đối với ông Huỳnh N. Ông không biết và không có liên quan gì. Mặc dù thời điểm đó ông và bà N vẫn còn quan hệ vợ chồng. Ông không sử dụng số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền vay theo giấy mượn tiền đề ngày 23/03/2021; Nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ: Ấp L, xã , huyện C, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

[1.2] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 123/CV-VKS ngày 26/2/2026, có nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[1.3] Về vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thái N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Huỳnh N trình bày: Bà Nguyễn Thị Thái N đã mượn của ông Huỳnh N số tiền 350.000.000 đồng, với thời hạn 01 tuần, lãi suất không thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản vay, bà N đã lập và ký vào giấy mượn tiền đề ngày 23/3/2021. Tuy nhiên, bản chính giấy mượn tiền đề ngày 23/3/2021 ông đã làm thất lạc bản chính. Tại bản tự khai đề ngày 25/4/2025 thì bà N cũng thừa nhận bà có mượn của ông Huỳnh N số tiền trên

Xét thấy: Sự thỏa thuận được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, Điều 328 Bộ luật Dân sự thì giấy mượn tiền viết tay đề 23/3/2021 này là hợp pháp và đã phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền đã vay của ông là 350.000.000 đồng. Ông không yêu cầu Tòa án tính lãi. Tại biên bản hòa giải ngày 15/09/2025, 03/10/2025, 19/12/2025 Ông có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Ông yêu cầu ông Võ Quốc H cùng với bà N thanh toán số tiền trên cho ông. Vì thời điểm đó, bà N và ông H vẫn còn là quan hệ vợ chồng. Đến ngày 21/11/2022 ông H và bà N mới ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/02/2026 ông Huỳnh N có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền đã vay là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc H cho rằng số tiền mà bà N mượn của ông Huỳnh N là nợ riêng của bà N đối với ông Huỳnh N. Ông không biết và không có liên quan gì. Mặc dù thời điểm đó ông và bà N vẫn còn quan hệ vợ chồng. Ông không sử dụng số tiền trên.

Xét thấy: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thái N phải trả số tiền 350.000.000 đồng cho ông N. Căn cứ điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là quyền tự định đoạt của đương sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án thì ngày 25/4/2025, bà N đã lên Tòa làm việc và trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: bà N xác nhận bà có mượn của ông Huỳnh N số tiền theo đơn khởi kiện. Bà đề nghị Tòa án cho bà 02 tháng để bà có thời gian sắp xếp giải quyết gia đình. Nhưng đến nay, bà N vẫn không lên Tòa án làm việc, không có ý kiến gì khác cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để đối đáp lại đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn ông Huỳnh N và người liên quan ông Võ Quốc H mặc dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh N đối với bà Nguyễn Thị Thái N. Buộc bà Nguyễn Thị Thái N phải trả cho ông Huỳnh N số tiền 350.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thái N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông Huỳnh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001853 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thái N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thái N có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh N số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền đề ngày 23/03/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thái N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông Huỳnh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001853 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Hạnh

